

BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN PHÙ NINH
ĐVT: đồng/m²

STT	DIỄN GIẢI	Giá 2009
I	ĐẤT Ở NÔNG THÔN:	
A	Đất khu dân cư các xã trung du (Gồm 3 xã có phụ lục đính kèm)	
1	Đất thuộc trung tâm các xã, khu vực chợ.	70,000
2	Đất hai bên đường liên thôn, (Hoặc đường xã, đường huyện) ở các khu vực trung tâm đông dân cư.	60,000
3	Đất hai bên đường liên thôn (hoặc đường xã, đường huyện) còn lại.	50,000
4	Đất các khu vực dân cư còn lại của các xã.	20,000
B	Đất khu dân cư các xã miền núi (Gồm 15 xã có phụ lục đính kèm)	
1	Đất khu trung tâm các xã, khu vực chợ.	60,000
2	Đất hai bên đường liên thôn (hoặc đường xã, đường huyện) ở các khu vực TT đông dân cư ở.	40,000
3	Đất hai bên đường liên thôn (hoặc đường xã, đường huyện) còn lại.	30,000
4	Đất các khu dân cư còn lại của các xã.	20,000
	ĐƯỜNG QUỐC LỘ VÀ ĐƯỜNG TỈNH	
*	Khu ngã ba Đền Hùng và Quốc lộ II	
	Đường 323B (309 cũ)	
1	Đất hai bên đường từ đường rẽ vào khu tái định cư số 1 giáp tường rào KCN Đồng Lạng đến hạt giao thông 6.	1,320,000
2	Đất hai bên đường, đoạn từ hạt giao thông 6 đến Cầu Móc (Đường rẽ vào UBND xã Phù ninh).	1,100,000
3	Đất hai bên đường, đoạn từ Cầu Móc đến ngã ba Then và đến đỉnh dốc cao Phù ninh hết Nhà ông Phạm Huy Toàn.	1,080,000
4	Đất hai bên đường, đoạn từ dốc cao Phù Ninh (Nhà ông Toàn) đến hết cầu Lâm.	1,000,000
5	Đất hai bên đường QLII từ giáp địa giới TT Phong châu đến hết nhà ông Sự Điền (Công an Phú Lộc).	900,000
6	Đất hai bên đường Quốc lộ II từ giáp nhà ông Sự đến hết Nhà ông Quýnh.	650,000
7	Đất hai bên đường Quốc lộ II từ giáp nhà ông Quýnh đến hết bưu điện Phú Lộc.	960,000
8	Đất hai bên đường Quốc lộ II từ giáp bưu điện xã Phú Lộc đến hết địa phận xã Phú lộc.	420,000

9	Đất hai bên đường Quốc lộ II từ Cầu Quan đến hết nhà ông Bảy Đậu.	350,000
10	Đất hai bên đường Quốc lộ II từ giáp nhà ông Bảy Đậu đến đỉnh dốc Bò cày (Lương thực cũ Thuộc xã Trạm thân).	300,000
11	Đất hai bên đường Quốc lộ II từ dốc Bò cày(Lương thực cũ xã Trạm thân) đến cách ngã ba Trạm Thân 100m.	250,000
12	Đất hai bên đường cách ngã ba Trạm thân 100m về phía đi Việt Trì và 100m phía đi Đoàn Hùng.	300,000
13	Đoạn cách từ ngã ba Trạm Thân 100m đến cầu Trót đi Đoàn Hùng.	200,000
14	Đoạn còn lại từ cầu Trót đến Chân Mộng Đoàn Hùng.	150,000
ĐƯỜNG TỈNH		
A	Đường 325B(Từ ngã ba Phù Lỗ đi Tiên Kiên Lâm Thao)(310cũ)	
1	Đất hai bên đường, đoạn từ ngã ba Phù Lỗ đến đường rẽ vào Đền Mẫu Âu cơ 2 mặt tiền đường.	500,000
2	Đất hai bên đường, đoạn từ đường rẽ đi vào Đền Mẫu Âu cơ đến hết địa phận Thị trấn Phong châu.	300,000
B	Đường 323C từ giáp QLII đi Phà Then (307 cũ)	
1	Đất hai bên đường từ giáp QLII đến quán ông Tầm giáp đường bê tông rẽ vào UBND xã Phù ninh.	230,000
2	Đất hai bên đường từ đường bê tông rẽ vào UBND xã Phù Ninh đến cách ngã ba chợ An đạo 50m.	150,000
3	Đất hai bên đường từ cách ngã ba chợ An đạo 50m qua đường rẽ vào UBND xã An Đạo 200m.	350,000
4	Đất hai bên đường từ cách đường rẽ vào UBND xã An Đạo 200 m đến phà Then.	180,000
C	Các đường khác:	
1	Đất hai bên đường, đoạn ngã ba Trạm thân đi Liên Hoa đến hết nhà ông Thân .	100,000
2	Đất hai bên đường từ QLII đến hết khu Trung tâm Y tế huyện phù ninh.	180,000
	Đường tỉnh 323D (326cũ)	
3	Đất hai bên đường từ Quốc lộ II đi Bảo thanh đến cây đa.	190,000
4	Đất hai bên đường từ đường huyện đi Phú Nham đến hết Ngân hàng cũ.	160,000
II	ĐẤT Ở ĐÔ THỊ:	
A	Đất Thị trấn Phong châu:	
1	Đất hai bên đường, (Đường Nam) từ phòng Tài chính đến hết nhà bà Duyên.	2,100,000

B	Đường Quốc lộ II:	
1	Đất hai bên đường, đoạn từ cổng Khách sạn Bãi bằng đến hết nhà ông Hùng Tam.	1,900,000
2	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp nhà ông Hùng Tam đến hết nhà ông Nghĩa Dậu.	2,100,000
3	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp nhà ông Nghĩa Dậu đến hết nhà bà Thiết.	1,900,000
4	Đất hai bên đường từ Cầu Lầm đến cổng Khách sạn Bãi Bằng.	1,100,000
5	Đất hai bên đường từ giáp nhà bà Thiết đến ngã ba Lấp máy (Đường rẽ đi cổng bắc).	1,100,000
6	Đất hai bên đường, đoạn từ ngã ba Lấp máy đến hết địa giới Thị trấn Phong châu.	900,000
C	Các trục đường chính giáp thị trấn Phong Châu: Đoạn đường cảng từ giáp thị trấn Phong Châu đến đất xã An Đạo (cổng Cảng nguyên liệu), đoạn đường từ giáp thị trấn Phong Châu đến đất xã Phú Nham (cổng bắc Công ty Giấy) và các đoạn đường trục chính khác tương đương ở giáp thị trấn Phong Châu	200,000
D	Đường khác:	
1	Đất hai bên đường, đoạn từ cổng chính Công ty Giấy (đi ra đường Cảng), đến đường rẽ sang khu Mã thượng đến giáp đường ra Cảng.	600,000
2	Đoạn từ đường rẽ sang khu Mã thượng đến giáp đường ra Cảng (Phía trái đến cổng phèn - Phía phải đến cổng nhà ông Căn Lê).	600,000
3	Đường trục chính từ giáp cổng chính Công ty Giấy đi khu Nam Tiến.	
	Đường trục chính từ giáp cổng chính Công ty Giấy hết phần giải nhựa	300,000
	Đường trục chính từ giáp cổng chính Công ty Giấy còn lại đường đất ra cổng Bắc giáp nhà bà Thảo.	180,000
4	Đất hai bên đường, đoạn từ nhà khách Công ty Giấy qua cổng trường đào tạo đến giáp quốc lộ II.	800,000
5	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp Quốc lộ II (Giáp nhà ông Tâm Thanh) đến bệnh xá Công ty Giấy.	600,000
6	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp Quốc lộ II (Giáp nhà ông Tiến vôi) đến hết nhà thi đấu Công ty Giấy.	600,000
7	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp nhà ông Cao Kỳ đến hết nhà ông Triệu Vương Hà.	800,000
8	Đất hai bên đường, đoạn từ Ngã ba Lấp máy đến cổng bắc Công ty Giấy (Hết địa phận Thị trấn Phong châu).	600,000

9	Đất hai bên đường, đoạn từ giáp QLII (Ngã ba thương nghiệp cũ) qua khu TN cũ đến giáp đường nam (Gần cổng chính Công ty Giấy).	700,000
10	Đất hai bên đường, đoạn từ QLII (gần cổng UBND huyện) đến hết nhà ông Sáng Mùi.	600,000
11	Đất hai bên đường, đoạn từ ngã ba Phù lõ đến nhà trẻ Phù lõ.	400,000
12	Đất hai bên đường, đoạn từ nhà trẻ Phù lõ đến giáp đường ống.	300,000
13	Đất hai bên đường, đoạn từ nhà ông Căn Lê (đường ra Cảng) đến hết địa phận Thị trấn Phong châu.	400,000
14	Đường trục chính còn lại khu Mã thượng, Đồng giao, Núi trang, Bãi thời, Đường Nam, Núi miếu, Tầm vông (rải nhựa, có đèn đường), và đường trục chính các khu khác.	300,000
15	Đất còn lại của các ngõ ở trung tâm Thị trấn và gần trung tâm .	150,000
16	Đất còn lại của các ngõ và các đường còn lại ở xa trung tâm thị trấn Phong Châu (thuộc các khu nông nghiệp).	150,000
17	Đất còn lại của các ngõ và các đường còn lại ở xa trung tâm thị trấn (Khu 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10 Nam Tiến, Núi Voi, Rừng Mận, Đá Thời, Công Tám).	50,000
18	Đất ven đường tỉnh lộ và đường chiến thắng Sông lô	100,000
VI	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn và tại đô thị được tính bằng 80% giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	
VII	Giá của các loại đất khác còn lại ngoài các loại đất đã nêu trên, mức giá được tính bằng giá đất ở cùng vị trí liền kề của khu vực.	

Phụ lục các xã (18 xã)

Trong đó: **1. Xã Trung du (03 xã) gồm:** Vĩnh Phú, Tử đà, Bình Bộ.

2. Xã Miền núi (5 xã) gồm: Phù Ninh, An Đạo, Tiên Du, Phú Nham, Phú Lộc, Tiên Phú, Hạ Giáp, Trung Giáp, Bảo Thanh, Gia Thanh, Trị Quận, Trạm Thản, Liên Hoa, Phú Mỹ, Thị trấn Phong Châu.